

Bản án số: 04/2025/HS-ST-CTN
Ngày 27 tháng 02 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tấn Tài.

Thẩm phán: Ông Lâm Thuận Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Minh Tâm – Giảng viên, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế Trường Đại học An Giang;
- Ông Võ Chí Hùng – Phó Chủ tịch Hội nông dân tỉnh An Giang;
- Bà Lê Kim Chi – Nguyên Ủy viên ban thường vụ Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh An Giang.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Văn Lộc và ông Lê Tú Giang - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2025/QĐXXST- HS ngày 11 tháng 02 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1967 tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; vợ là Nguyễn Thị T2 (Gái); con: 04 người; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A (có mặt).

* **Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Văn H – Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: số I đường L, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.(có mặt)

* **Bị hại:**

- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt);

2. Cháu Đoàn Thị Mỹ H1, sinh năm 2018; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu Đoàn Thị Mỹ H1: Bà Huỳnh Thị Kim H2, sinh năm 1995; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2: Bà Nguyễn Thị Lệ T4, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2024, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu H1: Bà Trần Thị Cẩm S – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A. (có mặt).

* *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Anh V; Bà Dương Thị Lê . (Tất cả đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước và nghi ngờ Nguyễn Thị T3 trộm cây mai nên khoảng 12 giờ 45 phút ngày 19/5/2024, Nguyễn Văn T lấy 01 cây dao dài khoảng 35cm, có phần lưỡi bằng sắt, cán bằng gỗ và 01 cây mỏ sải dài khoảng 1,6m, cán bằng gỗ, có phần đầu bằng sắt (dạng chĩa đôi) đến nhà T3 (thuộc ấp B, xã B, huyện C), T dùng tay trái cầm mỏ sải đâm trúng vào người T3 và Đoàn Thị Mỹ H1 (sinh năm 2018, cháu ngoại của T3) đang nằm ngủ trên giường phía trước nhà, rồi cầm dao chém trúng vào đầu T3. Thơm chống trả, giằng co với T thì được Nguyễn Anh V đến can ngăn nên T bỏ đi. Thơm, H1 được đưa đến Bệnh viện Đ để điều trị. Đến ngày 27/5/2024, thì xuất viện.

Ngày 17/9/2024, T bị khởi tố để điều tra, xử lý.

* Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 382/24/KLTTCT-TTPY ngày 29/7/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, kết luận Đoàn Thị Mỹ H1, sinh năm 2008:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo dạng tròn mặt trước ngoài 1/3 trên đùi phải, kích thước (0,5x03)cm, tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

- Sây sát da vùng xương mu bên phải, nằm ngang, kích thước (01x0,1)cm, tỷ lệ là 01% (không một phần trăm).

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Đoàn Thị Mỹ H1, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 02% (không hai phần trăm).

- Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên do vật sắc nhọn gây nên.

* Bản kết luận giám định số 378/24/KLTTCT-TTPY ngày 05/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, kết luận Nguyễn Thị T3, sinh năm 1957:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo đỉnh trái, đứng dọc, kích thước (4,5x0,1)cm, là sẹo có kích thước nhỏ tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Gây nứt dạng đứt bản sọ ngoài vùng đỉnh trái, tỷ lệ là 07% (không bảy phần trăm). Tỷ lệ là 08% (không tám phần trăm). Do vật sắc gây nên.

- Sưng bầm chẩm trái hiện tại không để lại thương tích. Tỷ lệ là 00% (không phần trăm). Do vật tày gây nên.

- Sưng bầm vai trái, sẽ mất dần sau khoảng 25 ngày. Tỷ lệ là 00% (không phần trăm). Do vật tày gây nên.

- Sây sát da dạng thẳng vùng vai trái, sẽ mất dần sau khoảng hai tuần. Tỷ lệ là 00% (không phần trăm). Do vật tày gây nên.

- Sây sát da để lại sẹo vùng ngực trái đường nách sau, kích thước (1,1x0,2)cm. Tỷ lệ là 01% (không một phần trăm). Do vật tày gây nên.

- Sây sát da và bầm máu mặt trước trong 1/3 dưới cánh tay trái, sẽ mất dần sau khoảng 25 ngày. Tỷ lệ là 00% (không phần trăm). Do vật tày gây nên.

2. Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, pháp y tâm thần. Xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Nguyễn Thị T3, áp dụng phương pháp cộng theo Thông tư tại thời điểm giám định là: 09% (không chín phần trăm).

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKS-P2 ngày 06/01/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người” theo các điểm a, b, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Nguyễn Thị T3, người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà Nguyễn Thị Lệ T4 trình bày phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu. Bà T3 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về sức khỏe 20.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 13 năm đến 15 năm tù.

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584; Điều 585; Điều 591; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 20.000.000đ (Hai mươi triệu) đồng cho bị hại Nguyễn Thị T3.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao bằng kim loại; 01 cây mỏ sậy do không còn giá trị sử dụng.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn T đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về việc truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Giết người”, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra tại phiên tòa bị cáo cũng đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo để xử phạt bị cáo thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Văn T nhất trí với bản luận cứ bào chữa nêu trên của người bào chữa, đồng thời không bào chữa bổ sung gì khác. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị hại trình bày: Thống nhất quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm.

Đại diện hợp pháp của bị hại không có tranh luận gì.

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa những người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 19/5/2024, tại khu vực nhà ở của bị hại T thuộc ấp B, xã B, huyện C, Nguyễn Văn T đã có hành vi dùng cây mỏ sậy đâm nhiều nhát vào người Nguyễn Thị T3 và Đoàn Thị Mỹ H1 (là người dưới 16 tuổi) rồi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém trúng vào đầu của bị hại T3 nhằm tước đoạt mạng sống của bị hại T3 và H1 vì nghi ngờ bà T3 lấy trộm cây mai của bị cáo. Việc các bị hại T3 và H1 không chết mà bị tổn thương cơ thể với tỷ lệ đối với T3 là 09%, H1 02% là do được can ngăn, cứu chữa kịp thời.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Giết người”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Chỉ vì nghi ngờ bị hại Nguyễn Thị T3 lấy trộm cây mai, bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm đâm, chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể của các bị hại T3 và H1, trong đó bị hại H1 là người dưới 16 tuổi do đó bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng là “*Giết 02 người trở lên*”; “*Giết người dưới 16 tuổi*” và “*Có tính chất côn đồ*” theo các điểm a, b, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tính mạng của con người, đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến tính mạng của người khác và vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Tuy nhiên, chỉ vì mâu thuẫn trong đời sống và nghi ngờ người bị hại T3 lấy trộm cây mai, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý; động cơ, mục đích của tội phạm là dùng dao, cây mỏ sậy để đâm, chém vào người các bị hại nhằm giết chết bị hại. Việc bị hại không chết là do được người dân đưa đi cứu chữa kịp thời, ngoài ý chí của bị cáo. Điều này thể hiện tính côn đồ, hung hãn, xem thường pháp luật của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đồng thời, hậu quả chết người của hành vi phạm tội chưa xảy ra, vì vậy bị cáo được xem xét áp dụng thêm tình tiết phạm tội chưa đạt theo quy định tại Điều 15 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ những phân tích trên cho thấy, mức hình phạt tù mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 123 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa:

- Bị hại T3 yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần, sức khỏe cho bị hại 20.000.000 đồng. Xét thấy, số tiền này không lớn và không vượt quá quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bà T4 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 con dao bằng kim loại và 01 cây mỏ sậy là dụng cụ bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”

Căn cứ điểm a, b, n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 29/10/2024).

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại và 01 cây mỏ sậy.

(Đặc điểm tang vật như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2025).

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 584; Điều 585; Điều 591; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho bị hại Nguyễn Thị T3.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000đ (Một triệu đồng) án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Tài